

## ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐA DẠNG CỦA HỆ THỰC VẬT TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

PHAN THỊ HÀ

*Trạm Khuyến nông huyện Giao Thủy, Nam Định*

TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH

*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Hệ sinh thái vùng cửa sông là một trong những hệ sinh thái ven biển đặc sắc nhất nước ta. Cửa Ba Lạt, nằm trong Vườn quốc gia (VQG) Xuân Thủy, là nơi con sông Hồng chảy về biển. Vườn quốc gia Xuân Thủy là một khu rừng ngập mặn thuộc Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng. Đây là khu rừng ngập mặn đầu tiên ở Việt Nam và thứ 50 của thế giới được quốc tế công nhận theo Công ước Ramsar.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, đặc biệt là ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, diện tích rừng ngập mặn bị suy giảm và thay đổi. Hệ thực vật ở vùng này thường dễ bị tổn thương và ít có khả năng thích nghi khi môi trường sống bị thay đổi. Nhiều loài đang bị đe dọa tuyệt chủng.

Kết quả nghiên cứu tính đa dạng của hệ thực vật tại VQG Xuân Thủy có ý nghĩa quan trọng cả về khoa học và thực tiễn nhằm cung cấp những dẫn liệu mới và cơ bản, góp phần bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên của Khu dự trữ sinh quyển đồng bằng Bắc Bộ.

### I. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. **Địa điểm nghiên cứu:** VQG Xuân Thủy.

2. **Đối tượng nghiên cứu:** Các loài thực vật bậc cao có mạch.

3. **Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp kế thừa: kế thừa các tài liệu có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.
- Phương pháp khảo sát thực địa theo tuyến để thu thập dẫn liệu về thành phần loài thực vật tại VQG Xuân Thủy
- Xác định tên khoa học bằng phương pháp so sánh hình thái, lập danh lục các loài thực vật bậc cao có mạch.
- Đánh giá tính đa dạng của hệ thực vật VQG Xuân Thủy theo “*Các phương pháp nghiên cứu thực vật*” của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007).
- Dạng sống của các loài thực vật được xác định theo C. Raunkiaer (1934).

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Tính đa dạng về các bậc taxon

Kết quả phân tích thành phần loài tại khu vực nghiên cứu cho thấy tại đây có 115 loài thuộc 100 chi, 42 họ thuộc 2 ngành thực vật. Kết quả được thực hiện trong bảng 1.

Bảng thống kê này cho thấy thành phần của các bậc taxon phân bố không đều nhau. Chiếm ưu thế là các loài thực vật thuộc ngành Mộc Lan, chiếm tỉ lệ 95,38% tổng số loài, trong đó lớp Mộc Lan chiếm ưu thế với 71,3% tổng số loài.

Các chỉ số đa dạng của hệ thực vật VQG Xuân Thủy: chỉ số đa dạng họ là 2,74; chỉ số đa dạng chi là 1,15; số chi trung bình mỗi họ là 2,38.

Bảng 1

**Thống kê số lượng họ, chi, loài trong các ngành thực vật bậc cao có mạch tại VQG Xuân Thủy**

Ngành	Số họ	Tỉ lệ % số họ	Số chi	Tỉ lệ% số chi	Số loài	Tỉ lệ% số loài
<b>I. Polypodiophyta</b>	5	11,9	7	7,00	7	6,09
<b>II. Magnoliophyta</b>	37	88,1	93	93,0	108	95,38
Magnoliopsida	31	73,8	70	70,0	82	71,30
Liliopsida	6	14,21	23	23,0	26	22,61
<b>Tổng số</b>	<b>42</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>115</b>	<b>100</b>

Tỷ trọng giữa 2 lớp Mộc lan (Magnoliopsida) và lớp Hành (Liliopsida) trong ngành Mộc lan (Magnoliophyta) cho thấy số họ lớp Hành so với lớp Mộc lan là 0,19, số chi là 0,33 và số loài là 0,32. Như vậy, tỷ trọng số họ, chi và loài của lớp Hành đều thấp hơn nhiều so với lớp Mộc lan (0,19-0,33).

Danh sách các họ có nhiều loài nhất ở VQG Xuân Thủy được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2

**Các họ có nhiều loài nhất ở VQG Xuân Thủy**

TT	Tên họ	Số loài	Tỷ lệ % trên tổng số loài
1	Poaceae	15	13,04
2	Asteraceae	13	11,30
3	Verbenaceae	9	7,83
4	Cyperaceae	6	5,22
5	Malvaceae	5	4,35
6	Rhizophoraceae	5	4,35
7	Fabaceae	4	3,48
8	Amaranthaceae	4	3,48
9	Solanaceae	4	3,48

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy, 9 họ thực vật có số loài nhiều nhất ở VQG Xuân Thủy có 65 loài (chiếm 56,52% tổng số loài thực vật). Nếu xét rộng hơn, có 3 họ có 3 loài (chiếm 7,83% tổng số loài), 11 họ có 2 loài (chiếm 19,13% tổng số loài), còn lại là 19 họ có 1 loài (chiếm 16,52% tổng số loài).

Nếu xem xét ở bậc chi, hệ thực vật bậc cao có mạch ở VQG Xuân Thủy có 1 chi có 4 loài là *Cyperus* (chiếm 3,48 % tổng số loài); tiếp theo có 2 chi có 3 loài là *Bruguiera*, *Sonneratia* (chiếm 5,22% tổng số loài); có 8 chi có 2 loài là *Paspalum*, *Acanthus*, *Achyranthes*, *Hedyotis*, *Pandanus*, *Pluchea*, *Solanum*, *Vitex* (chiếm 13,91% tổng số loài), còn lại là 89 chi chỉ có 1 loài (chiếm 77,39% tổng số loài).

**2. Đa dạng về dạng sống**

Phổ dạng sống (Spectrum of Biology-SB) của hệ thực vật bậc cao có mạch tại VQG Xuân Thủy được thể hiện như sau:

$$SB = 71,05 \text{ He} + 23,68 \text{ Ch} + 2,63 \text{ Cr} + 2,63 \text{ Th}$$

Phổ dạng sống cho thấy nhóm Cây có chồi nửa ần (He) chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp theo là nhóm Cây có chồi sát đất (Ch), Cây chồi ần (Cr) và Cây một năm (Th) chiếm tỷ lệ bằng nhau,

### 3. Các loài thực vật bị đe dọa ở VQG Xuân Thủy, có nguy cơ tuyệt chủng, ghi tên trong Sách đỏ và Danh lục Đỏ Việt Nam (2007)

Theo Danh lục Đỏ IUCN (2012) trong số các loài thực vật phân bố VQG Xuân Thủy chỉ có 2 loài là *Acrostichum aureum* L. và *Kandelia candel* (L.) Druce được đánh giá ở mức LC.

### III. KẾT LUẬN

- Đã thống kê được 115 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 101 chi, 41 họ, 2 ngành thực vật tại VQG Xuân Thủy. Chỉ số đa dạng họ của hệ thực vật bậc cao có mạch ở VQG Xuân Thủy là 2,74; chỉ số đa dạng chi là 1,15; số chi trung bình mỗi họ là 2,38.

- Tại VQG Xuân Thủy 9 họ giàu loài nhất có từ 4 loài trở lên và có 1 chi *Cyperus* có 4 loài..

- Phổ dạng sống của các loài thực vật ở VQG Xuân Thủy là:

$$SB = 71,05 \text{ He} + 23,68 \text{ Ch} + 2,63 \text{ Cr} + 2,63 \text{ Th}$$

- Trong số các loài các loài thực vật ở VQG Xuân Thủy có 2 loài *Acrostichum aureum* L. và *Kandelia candel* (L.) Druce được đánh giá ở mức LC theo Danh lục Đỏ IUCN (2012).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Abubreville, A., J. Leroy, Ph. Morat** (Redacteur), 1960-2000. Flore de Cambodge, du Laos et du Vietnam. Paris.
2. **Nguyễn Việt Cách**, 2005. Báo cáo Đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Xuân Thủy.
3. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam (An Illustrated Flora of Vietnam). Nxb. Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh.
4. **Phan Nguyên Hồng**, 2004. Đánh giá tính đa dạng của thảm thực vật và hệ thực vật trong môi trường sinh học huyện Giao Thủy (tỉnh Nam Định) làm cơ sở cho quy hoạch Phát triển bền vững các hệ sinh thái ĐNN ven biển Bắc Bộ.
5. **Phan Nguyên Hồng, Lê Xuân Tuấn, Phan Thị Anh Đào**, 2007. Đa dạng sinh học ở Vườn Quốc gia Xuân Thủy, 42 trang.
6. **Lecomte, H.** (Redacteur), 1907-1937. Flore Generale de L'Indo-Chine. Paris.
7. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

### DIVERSITY OF FLORA IN XUAN THUY NATIONAL PARK, NAM DINH PROVINCE, VIETNAM

PHAN THI HA, TRAN THI PHUONG ANH

#### SUMMARY

Present study documents the floristic diversity of the Xuan Thuy National Park in Nam Dinh province of Vietnam. We document 115 species belonging to 100 genera, 42 families, 2 phyla of vascular plants in Xuan Thuy National Park. The diversity indicator of flora in Xuan Thuy National Park is as follows: family diversity indicator 2.74, genera diversity indicator 1.15; the average number of genera per family was 2.38. The most diverse family is Poaceae with 15 species. The most diverse genus is *Cyperus* with 4 species. Among the plant species in the flora of Xuan Thuy National Park there are only 2 species belonging to LC criteria of IUCN List (2012) and none of them were listed in the Red Data Book of Vietnam (2007).